

**Hình học**

**CHỦ ĐỀ 2: HAI ĐƯỜNG THẲNG SONG SONG**

Tiết 9+10

**Bài 6 : TỪ VUÔNG GÓC ĐẾN SONG SONG – LUYỆN TẬP**

**1. Phiếu hướng dẫn học sinh tự học**

NỘI DUNG	GHI CHÚ
<b>Hoạt động 1:</b> <b>Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.</b>	1. Đọc MỤC 1 - Làm ? 1 rút ra tính chất về mối quan hệ giữa tính vuông góc và song song 2. Đọc MỤC 2 Nắm được tính chất ba đường thẳng song song

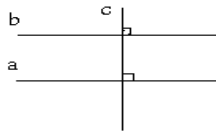
**Bài ghi học sinh**

**Bài 6 : TỪ VUÔNG GÓC ĐẾN SONG SONG**

**I. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM ( Học sinh ghi nội dung vào vở bài học)**

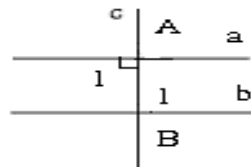
**1. Quan hệ giữa tính vuông góc và tính song song**

**a. Tính chất 1**



Nếu  $a \perp c$  và  $b \perp c$  thì  $a // b$

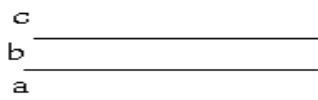
**b. Tính chất 2**



Nếu  $c \perp a$  và  $a // b$  thì  $c \perp b$

**2. Ba đường thẳng song song:**

**Tính chất 3:**



Nếu  $a // c$  và  $b // c$  thì  $a // b$

**Bài tập :** Cho hình vẽ sau:

a) Vì sao  $a // b$  ?

b) Vẽ  $c$  cắt  $a$  tại  $A$  và cắt  $b$  tại  $B$ . Viết tên các cặp góc đồng vị, so le trong và trong cùng phía

c) Cho  $\hat{B}_2 = 120^\circ$ . Tính  $\hat{A}_3$ ?

**Giải:**

a) Ta có:  $a \perp d$  và  $b \perp d$

Nên  $a // b$

b)

+ Cặp góc đồng vị

$$\hat{A}_1 = \hat{B}_1; \hat{A}_2 = \hat{B}_2$$

$$\hat{A}_4 = \hat{B}_4; \hat{A}_3 = \hat{B}_3$$

+ Cặp góc so le trong

$$\hat{A}_3 = \hat{B}_1; \hat{A}_4 = \hat{B}_2$$

+ Cặp góc trong cùng phía

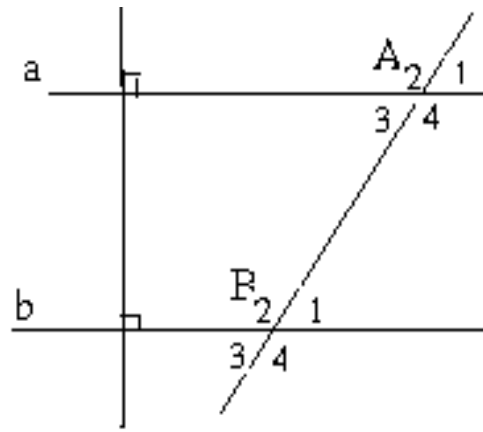
$$\hat{A}_4 + \hat{B}_1 = 180^\circ$$

$$\hat{A}_3 + \hat{B}_2 = 180^\circ$$

c) Tính  $\hat{A}_3$

$$\text{Vì } a // b \text{ nên: } \hat{A}_3 + \hat{B}_2 = 180^\circ$$

$$\Rightarrow \hat{A}_3 = 180^\circ - \hat{B}_2 = 180^\circ - 120^\circ = 60^\circ$$



NỘI DUNG	GHI CHÚ
<p>Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.</p>	<p><b>** Bài tập tự luận</b></p> <p><b><u>Bài 1 (Bài tập 46 tr98 SGK) (Bài tập tự luận)</u></b></p> <p>Xem hình 31 :</p> <p>a) Vì sao <math>a // b</math> ?</p> <p>b) Tính số đo góc C.</p> <div data-bbox="901 801 1369 1048" style="text-align: center;"> </div> <p style="text-align: center;">Hình 31</p> <p><b><u>Bài 2 (Bài tập 47 tr98 SGK) (Bài tập tự luận)</u></b></p> <p>Ở hình 32, biết <math>a // b</math>, <math>\hat{A} = 90^\circ</math>, <math>\hat{C} = 130^\circ</math>, tính <math>\hat{B}</math>, <math>\hat{D}</math>.</p> <div data-bbox="831 1189 1380 1451" style="text-align: center;"> </div> <p style="text-align: center;">Hình 32</p> <p><b>** Bài tập trắc nghiệm (Nộp bài lên lớp học lớp học kết nối)</b></p> <p><b>Câu 1:</b> Cho ba đường thẳng phân biệt <math>a, b</math> và <math>c</math>, biết <math>a // b</math>, <math>a \perp c</math>. Kết luận nào đúng:</p> <p>A. <math>a // b</math>  <b>B. <math>b \perp c</math></b>  C. <math>a \perp b</math>  D. Tất cả các đáp án đều sai</p> <p><b>Câu 2:</b> Cho ba đường thẳng phân biệt <math>a, b</math> và <math>c</math>, biết <math>a \perp b</math>, <math>a \perp c</math>. Kết luận nào đúng:</p> <p><b>A. <math>b // c</math></b>  B. <math>b \perp c</math>  C. <math>a \perp b</math></p>

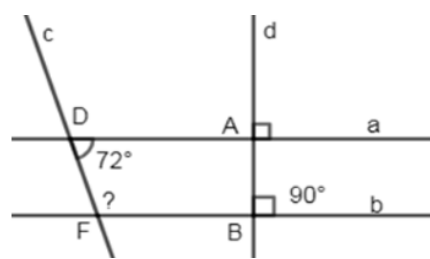
D. Tất cả các đáp án đều sai

**Câu 3:** Cho ba đường thẳng phân biệt  $a, b$  và  $c$ , biết  $a \parallel b, b \parallel c$ . Kết luận nào đúng:

A.  $a \parallel c$       B.  $a \perp c$       C.  $a$  cắt  $c$       Cả A, B, C đều sai

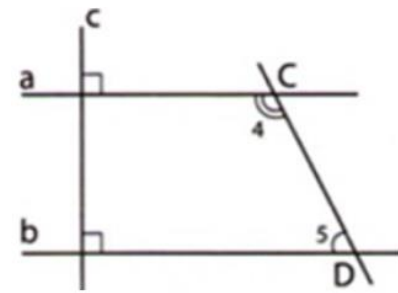
**Câu 4:** Cho hình vẽ:  
 Biết  $a \perp d, b \perp d, \widehat{ADF} = 72^\circ$ . Tính  $\widehat{DFB}$

A.  $80^\circ$   
 B.  $118^\circ$   
 C.  $75^\circ$   
 D.  $108^\circ$



**Câu 5:** Cho hình vẽ sau. Biết  $a \perp c, b \perp c$  và  $\widehat{D_5} = 64^\circ$ . Tính  $\widehat{C_4}$

A.  $136^\circ$   
 B.  $118^\circ$   
 C.  $64^\circ$   
 D.  $116^\circ$



**2. Các câu hỏi thắc mắc, các trở ngại của học sinh khi thực hiện các nhiệm vụ học tập.**

Trường:

Lớp:

Họ tên học sinh:

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
Toán 7	Mục 1: .... Mục 2: .... Mục 3:....	1. 2. 3.

**ĐẠI SỐ**

**Chủ đề 3: SỐ VÔ TỈ - SỐ THỰC**

**Tiết 13: SỐ THẬP PHÂN HỮU HẠN. SỐ THẬP PHÂN VÔ HẠN TUẦN HOÀN**

**Phiếu hướng dẫn học sinh tự học**

NỘI DUNG	GHI CHÚ
<b>Hoạt động 1:</b> <i>Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.</i>	<b>1. Số thập phân hữu hạn. Số thập phân vô hạn tuần hoàn:</b> Hiểu được số thập phân hữu hạn, số thập phân vô hạn tuần hoàn thông qua ví dụ 1, 2.
	<b>2. Nhận xét:</b> - Đọc tài liệu SGK/33. - Hiểu được các ví dụ và kết luận.

**Bài ghi học sinh**

**I. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM (HS viết nội dung vào vở bài học)**

**1. Số thập phân hữu hạn. Số thập phân vô hạn tuần hoàn:**

**VD1:** Viết các số sau dưới dạng số thập phân  $\frac{3}{20} = 0,15$ ;  $\frac{37}{25} = 1,48$

Ta gọi: 0,15 và 1,48 là số thập phân hữu hạn.

**VD2:**  $\frac{5}{12} = 0,41666... = 0,41(6)$

0,41(6) là số thập phân vô hạn tuần hoàn có chu kỳ là 6.

**2. Nhận xét:**

**VD:** a)  $\frac{-6}{75} = \frac{-2}{25} = \frac{-2}{5^2} \Rightarrow$  Viết được dưới dạng số thập phân hữu hạn.

b)  $\frac{7}{30} = \frac{7}{2.3.5} \Rightarrow$  Viết được dưới dạng số thập phân vô hạn tuần hoàn.

c) Các phân số  $\frac{-5}{6}; \frac{11}{45}$  viết được dưới dạng số thập phân vô hạn tuần hoàn.

Vì:  $6 = 2.3$ ;  $45 = 3^2.5$

**Kết luận:** Mỗi số hữu tỉ được biểu diễn bởi một số thập phân hữu hạn hoặc vô hạn tuần hoàn. Ngược lại, mỗi số thập phân hữu hạn hoặc vô hạn tuần hoàn biểu diễn một số hữu tỉ.

**\*Bài tập vận dụng:**

**BT 70 (SGK/35):** Viết các số thập phân hữu hạn sau đây dưới dạng phân số tối giản:

- a) 0,32;                      b) -0,124;                      c) 1,28                      d) -3,12

**Giải:**

a)  $0,32 = \frac{32}{100} = \frac{32:4}{100:4} = \frac{8}{25}$

c)  $1,28 = \frac{128}{100} = \frac{128:4}{100:4} = \frac{32}{25}$

b)  $-0,124 = \frac{-124}{1000} = \frac{-124:4}{1000:4} = \frac{-31}{250}$

d)  $-3,12 = \frac{-312}{100} = \frac{-312:4}{100:4} = \frac{-78}{25}$

NỘI DUNG	GHI CHÚ
<p><b>Hoạt động 2:</b> <i>Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.</i></p>	<p><b>II. BÀI TẬP Ở NHÀ</b> (<i>Làm và nộp bài tập trên Lớp học kết nối</i>)</p> <p><b>Câu 1:</b> Viết số thập phân 0,18 dưới dạng phân số tối giản là: A. <math>\frac{18}{100}</math>                      B. <math>\frac{9}{50}</math>                      C. <math>\frac{7}{25}</math>                      D. <math>\frac{16}{200}</math></p> <p><b>Câu 2:</b> So sánh hai số 0,51 và 0,(51) A. <math>0,51 = 0,(51)</math>                      B. <math>0,51 &gt; 0,(51)</math>                      C. <math>0,51 &lt; 0,(51)</math>                      D. Câu A, B, C đều sai</p> <p><b>Câu 3:</b> Viết dưới dạng thập phân phân số <math>\frac{1}{9}</math>: A. 0,01.                      B. 0,1                      C. 0,(1)                      D. 0,(01)</p> <p><b>Câu 4:</b> Số nào sau đây là số thập phân vô hạn tuần hoàn? A. 0,123456...                      B. 0,(123)                      C. 0,(1234)                      D. Câu B, C đúng</p> <p><b>Câu 5:</b> Số nào sau đây là số thập phân hữu hạn? A. 0,123456...                      B. 0,1234                      C. 0,3579...                      D. Câu A, B đúng</p> <p><b>Câu 6:</b> (<i>Bài tập tự luyện</i>)</p> <p><b>BT 71 (SGK/35):</b> Viết các số phân số <math>\frac{1}{99}; \frac{1}{999}</math> dưới dạng số thập phân.</p>

**1. Các câu hỏi thắc mắc, các trở ngại của học sinh khi thực hiện các nhiệm vụ học tập.**

Trường:

Lớp:

Họ tên học sinh

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
Toán	Mục 1: .... Mục 2: ...	1. 2.

**Tiết 14: LÀM TRÒN SỐ**

**Phiếu hướng dẫn học sinh tự học**

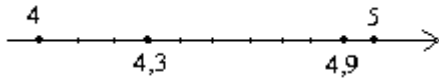
NỘI DUNG	GHI CHÚ
<p><b>Hoạt động 1:</b> <i>Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.</i></p>	<p><b>1. Làm tròn số:</b> Nắm được các ví dụ làm tròn số, vận dụng làm ?1.</p>
	<p><b>2. Quy ước làm tròn số:</b> - Đọc tài quy ước làm tròn số SGK/36. - Nắm được ví dụ và vận dụng làm ?2.</p>

**Bài ghi học sinh**

# I. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM *(HS viết nội dung vào vở bài học)*

## 1. Ví dụ:

**VD1:** Làm tròn đến hàng đơn vị



Ta viết:  $4,3 \approx 4$  (do 4,3 gần số 4 hơn)

$4,9 \approx 5$  (do 4,9 gần số 5 hơn)

**VD2:** Làm tròn đến hàng nghìn

$$72900 \approx 73000$$

**VD3:** Làm tròn đến hàng phần nghìn

$$0,8134 \approx 0,813$$

## 2. Quy ước làm tròn số:

**VD:** Làm tròn số

a)  $86,149 \approx 86,1$  (tròn hàng phần chục)

b)  $542 \approx 540$  (tròn chục)

c)  $0,0861 \approx 0,09$  (tròn hàng phần trăm)

d)  $1773 \approx 1800$  (tròn trăm)

### \*Bài tập vận dụng:

**Bài 73 (SGK/36):** Làm tròn các số sau đến chữ số thập phân thứ hai:

$$7,923 \approx 7,92;$$

$$17,418 \approx 17,42;$$

$$79,1364 \approx 79,14;$$

$$50,401 \approx 50,40;$$

$$0,155 \approx 0,16;$$

$$60,996 \approx 61,00.$$

**Bài 74 (SGK/37):** Hết học kỳ I, điểm Toán của bạn Cường như sau:

Hệ số 1: 7; 8; 6; 10.

Hệ số 2: 7; 6; 5; 9.

Hệ số 3: 8.

Em hãy tính điểm trung bình môn Toán học kỳ I của bạn Cường (làm tròn đến chữ số thập phân thứ nhất).

### **Giải:**

Điểm trung bình môn Toán học kỳ I của Cường là:

$$\frac{(7+8+6+10)+(7+6+5+9).2+8.3}{15} = 7,2(6) \approx 7,3$$

NỘI DUNG	GHI CHÚ
<p><b>Hoạt động 2:</b> <i>Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.</i></p>	<p><b>II. BÀI TẬP Ở NHÀ <i>(Làm và nộp bài tập trên Lớp học kết nối)</i></b></p> <p><b>Câu 1:</b> Làm tròn số 6,438 đến chữ số thập phân thứ hai: A. 6,43                      B. 6,44                      C. 6,45                      D. 6,40</p> <p><b>Câu 2:</b> Làm tròn số 11,52 đến chữ số thập phân thứ nhất: A. 11,5                      B. 11,6                      C. 11,53                      D. 11,6</p> <p><b>Câu 3:</b> Làm tròn số 18,52 đến chữ số hàng chục: A. 18                      B. 19                      C. 18,5                      D. 20</p> <p><b>Câu 4:</b> Làm tròn số 3654 đến chữ số hàng nghìn: A. 3600                      B. 3650                      C. 4000                      D. 3660</p> <p><b>Câu 5:</b> Làm tròn số 11,521797 đến chữ số hàng đơn vị: A. 12                      B. 11,52                      C. 11,5                      D. 11,521</p> <p><b>Câu 6:</b> <i>(Bài tập tự luyện)</i></p> <p><b>BT 79 (SGK/38):</b> Tính chu vi và diện tích của mảnh vườn hình chữ nhật có chiều dài là 10,234m và chiều rộng là 4,7m (làm tròn đến hàng đơn vị).</p>

### 1. Các câu hỏi thắc mắc, các trở ngại của học sinh khi thực hiện các nhiệm vụ học tập.

Trường:

Lớp:

Họ tên học sinh

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
Toán	Mục 1: .... Mục 2: ...	1. 2.